

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Thắng
Ông Cao Tùng Sơn
Ông Đoàn Minh Mẫn
Ông Bùi Quang Hưng
Ông Từ Cường
Bà Nguyễn Thị Hiền
Ông Phạm Đăng Nam
Ông Nguyễn Đức Hòa
Ông Phạm Thành Vinh

Chủ tịch
Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2009)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2009)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đình Đức
Ông Cao Tùng Sơn
Ông Ngô Hồng Minh
Ông Nguyễn Đức Hòa
Ông Phạm Thành Vinh
Ông Từ Cường
Ông Nguyễn Đức Thành
Ông Lê Văn Quốc Việt
Ông Nguyễn Văn Tông
Bà Chu Thị Hiền
Ông Nguyễn Hồng Vinh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 1 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2009)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: *MS* /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

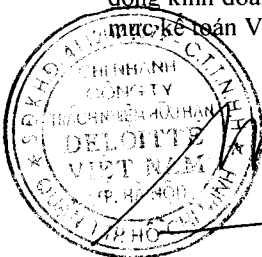
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 2 tháng 3 năm 2010
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.866.941.356.360	2.692.502.473.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.906.125.166.959	942.714.032.012
1. Tiền	111		170.207.749.959	377.682.920.901
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.735.917.417.000	565.031.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	115.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.371.460.791	573.160.539.397
1. Phải thu của khách hàng	131		41.335.062.795	510.247.025.556
2. Trả trước cho người bán	132		83.320.019.604	44.679.499.799
3. Các khoản phải thu khác	135		66.838.424.756	18.234.014.042
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(122.046.364)	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	569.253.465.178	1.111.308.774.968
1. Hàng tồn kho	141		569.253.465.178	1.745.083.357.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(633.774.582.047)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.191.263.432	65.319.127.211
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.202.490.267	7.745.648.304
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.576.158.960	47.830.387.092
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		128.316.487	1.173.687.501
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		28.284.297.718	8.569.404.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.484.260.740.715	2.499.869.838.369
I. Tài sản cố định	220		1.723.752.796.976	1.899.295.208.973
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	933.331.955.781	1.682.719.544.377
- Nguyên giá	222		5.674.037.648.308	5.414.642.652.715
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.740.705.692.527)	(3.731.923.108.338)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	85.445.544.216	52.956.627.284
- Nguyên giá	228		234.588.206.555	173.060.462.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.142.662.339)	(120.103.835.237)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	704.975.296.979	163.619.037.312
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		453.146.885.327	205.536.189.207
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	33.651.833.567	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	419.495.051.760	205.536.189.207
III. Tài sản dài hạn khác	260		307.361.058.412	395.038.440.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	303.975.507.545	387.207.005.193
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.424.578.256	6.996.279.876
3. Tài sản dài hạn khác	268		960.972.611	835.155.120
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.351.202.097.075	5.192.372.311.957

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		794.323.265.405	450.947.381.194
I. Nợ ngắn hạn	310		565.622.460.761	438.629.021.098
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	28.046.846.375	4.021.115.000
2. Phải trả cho người bán	312		212.392.865.643	204.924.151.695
3. Người mua trả tiền trước	313		41.762.405.203	55.018.091.126
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	119.207.426.978	16.442.465.388
5. Phải trả người lao động	315		41.033.955.112	35.928.528.647
6. Chi phí phải trả	316	17	102.120.131.696	86.331.022.045
7. Phải trả nội bộ	317		5.842.233.321	7.482.863.650
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	15.216.596.433	28.480.783.547
II. Nợ dài hạn	330		228.700.804.644	12.318.360.096
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.302.414.109	90.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	216.974.174.175	3.049.051.188
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.424.216.360	9.179.308.908
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.535.404.355.059	4.719.423.149.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	5.487.903.530.694	4.687.778.303.849
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		209.233.309	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(43.296.089.299)	(35.052.843.575)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.915.614.125)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		302.757.044.494	87.293.327.821
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		201.745.548.833	58.195.551.881
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		229.923.506	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.228.173.483.976	777.342.267.722
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		47.500.824.365	31.644.845.323
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		47.500.824.365	31.644.845.323
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		21.474.476.611	22.001.781.591
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		6.351.202.097.075	5.192.372.311.957



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 3 năm 2010

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.673.931.326.245	6.493.484.619.459
2. Các khoản giảm trừ	02		43.870.483.498	18.116.840.523
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	21		6.630.060.842.747	6.475.367.778.936
4. Giá vốn hàng bán	11	21	4.644.816.371.488	4.624.124.347.875
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.985.244.471.259	1.851.243.431.061
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	181.197.706.742	143.126.641.895
7. Chi phí tài chính	22	22	80.671.774.691	53.579.752.857
8. Chi phí bán hàng	24		293.839.472.451	224.595.494.856
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		285.306.226.584	221.330.110.229
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1.506.624.704.275	1.494.864.715.014
11. Thu nhập khác	31		19.592.149.261	6.754.446.249
12. Chi phí khác	32		9.165.362.392	746.247.368
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.426.786.869	6.008.198.881
14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	45		2.651.833.567	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.519.703.324.711	1.500.872.913.895
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		163.847.740.850	122.577.274.515
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.571.701.620	(6.996.279.876)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.351.283.882.241	1.385.291.919.256
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.979.759.801	1.411.781.591
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.348.304.122.440	1.383.880.137.665
21. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	3.557	3.646



Nguyễn Văn Tòng

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2010

Huỳnh Kim Nhân

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

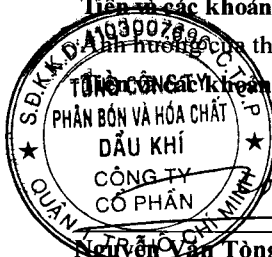
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.519.703.324.711	1.500.872.913.895
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.038.124.867.525	1.079.409.545.754
Các khoản dự phòng	03	(633.652.535.683)	633.774.582.047
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	3.440.803.744	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(173.124.399.249)	(138.844.088.874)
Chi phí lãi vay	06	15.593.584.232	30.989.544.667
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	1.770.085.645.280	3.106.202.497.489
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	395.448.673.742	(581.225.411.075)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.175.829.891.837	(1.344.385.453.866)
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11	(117.518.950.081)	(340.069.461.163)
Giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	65.189.928.397	40.566.768.955
Lãi vay đã trả	13	(15.568.240.432)	(30.989.544.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(50.936.978.402)	(118.279.735.465)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	143.801.699
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(67.364.056.704)	(58.103.400.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.155.165.913.637	673.860.061.451
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(759.341.248.206)	(116.473.217.460)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(135.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi các khoản đầu tư	24	30.000.000.000	-
4. Chi đầu tư dài hạn	25	(253.761.002.553)	(179.031.806.286)
5. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	155.537.789.732	123.830.369.382
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(962.564.461.027)	(171.674.654.364)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu do nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.590.000.000
2. Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(8.243.245.724)	(35.052.843.575)
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.140.999.781.645	17.157.321.716
4. Trả nợ gốc vay	34	(906.489.731.027)	(590.191.155.528)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(453.518.327.036)	(944.326.697.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(227.251.522.142)	(1.531.823.374.387)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.965.349.930.468	(1.029.637.967.300)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	942.714.032.012	1.972.351.999.312
Tiền và các khoản tương đương tiền thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(1.938.795.521)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	2.906.125.166.959	942.714.032.012



Nguyễn Văn Tông

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2010

Huỳnh Kim Nhân

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2008.

Công ty mẹ của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.666 người (năm 2008: 1.475 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") bao gồm sản xuất và kinh doanh phân đạm, ammoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 tăng 1.915.614.125 đồng so với việc áp dụng theo VAS10 và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư với số tiền tương ứng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con thống nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, chưa được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản nhận bàn giao khi cổ phần hóa, nguyên giá là giá đánh giá lại. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

đó: bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó: Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ hai Tổng Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ sáu kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	1.858.729.138	1.977.229.032
Tiền gửi ngân hàng	168.349.020.821	375.705.691.869
Các khoản tương đương tiền	2.735.917.417.000	565.031.111.111
	2.906.125.166.959	942.714.032.012

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 với số tiền 115.000.000.000 đồng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.998.134.017	6.529.806.927
Nguyên liệu, vật liệu	317.484.100.647	304.651.138.635
Công cụ, dụng cụ	1.239.417.353	8.362.137.594
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.543.533.865	102.603.472.862
Thành phẩm	76.601.082.191	35.947.898.937
Hàng hóa	136.387.197.105	1.286.988.902.060
	569.253.465.178	1.745.083.357.015
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(633.774.582.047)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	569.253.465.178	1.111.308.774.968

Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	2009	2008
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	633.774.582.047	-
Tăng thêm trong kỳ	-	633.774.582.047
Hoàn nhập trong kỳ	(633.774.582.047)	-
Số dư cuối kỳ	-	633.774.582.047

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	574.124.840.608	4.773.763.068.402	54.802.001.193	11.952.742.512	5.414.642.652.715
Tăng do mua sắm	339.476.625	1.900.637.628	2.914.444.616	10.818.988.607	15.973.547.476
XCDB hoàn thành	249.521.707.148	3.437.016.853	324.214.960	-	253.282.938.961
Tăng khác	-	-	-	760.914.349	760.914.349
Thanh lý	-	(128.240.997)	-	(37.779.735)	(166.020.732)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(8.500.000.000)	-	-	-	(8.500.000.000)
Giảm khác	(1.394.305.906)	(187.209.949)	292.395.878	(667.264.484)	(1.956.384.461)
Tại ngày 31/12/2009	814.091.718.475	4.778.785.271.937	58.333.056.647	22.827.601.249	5.674.037.648.308
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	322.391.510.354	3.369.221.069.785	33.698.583.780	6.611.944.419	3.731.923.108.338
Khấu hao trong kỳ	124.199.765.825	870.809.082.333	10.261.637.655	3.815.554.609	1.009.086.040.423
Thanh lý	-	(37.779.735)	(27.252.767)	(52.290.668)	(117.323.170)
Phân loại lại	87.657.133	(75.559.470)	14.068.748	(26.166.411)	-
Giảm khác	(110.623.204)	-	(34.677.790)	(40.832.070)	(186.133.064)
Tại ngày 31/12/2009	446.568.310.108	4.239.916.812.913	43.912.359.626	10.308.209.879	4.740.705.692.527
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2008	251.733.330.254	1.404.541.998.617	21.103.417.413	5.340.798.093	1.682.719.544.377
Tại ngày 31/12/2009	367.523.408.367	538.868.459.024	14.420.697.021	12.519.391.370	933.331.955.781

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 586.204.957.859 đồng (năm 2008 là 55.587.995.456 đồng)

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền sáng chế	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	159.117.493.074	-	4.404.651.415	9.538.318.032	173.060.462.521
Mua trong kỳ	-	-	3.812.744.034	-	3.812.744.034
XDCB hoàn thành	-	49.215.000.000	-	-	49.215.000.000
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	-	8.500.000.000	-	-	8.500.000.000
Tại ngày 31/12/2009	159.117.493.074	57.715.000.000	8.217.395.449	9.538.318.032	234.588.206.555
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	113.049.442.878	-	277.629.374	6.776.762.985	120.103.835.237
Trích trong năm	26.278.253.976	-	1.185.319.914	1.575.253.212	29.038.827.102
Tại ngày 31/12/2009	139.327.696.854	-	1.462.949.288	8.352.016.197	149.142.662.339
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2008	46.068.050.196	-	4.127.022.041	2.761.555.047	52.956.627.284
Tại ngày 31/12/2009	19.789.796.220	57.715.000.000	6.754.446.161	1.186.301.835	85.445.544.216

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2009	2008
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	163.619.037.312	27.230.037.407
Tăng thêm trong kỳ	843.854.198.628	143.435.929.381
Kết chuyển sang tài sản cố định	(302.497.938.961)	(7.046.929.476)
Số dư cuối kỳ	704.975.296.979	163.619.037.312

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2009 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	Tp. Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
2	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	Bình Định	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
3	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Tây Nam Bộ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
4	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
5	Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	Hà Nội	100%	Kinh doanh phân bón và hóa chất
6	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tp. Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất bao bì

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	31.000.000.000	-
Phần lợi nhuận được chia	2.651.833.567	-
	<u>33.651.833.567</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

STT	Tên công ty	Thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu vốn (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Giá trị tại ngày 31/12/2009
1	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Cà Mau)	Cà Mau	20%	20%	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp	22.888.005.151
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Nhơn Trạch (PVC Nhơn Trạch)	Bà Rịa	20%	20%	Đầu tư kinh doanh bất động sản	10.763.828.416
						<u>33.651.833.567</u>

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Góp vốn vào Dự án 43 Mạc Đĩnh Chi	182.192.808.839	155.031.806.286
Góp vốn vào Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi tổng hợp Petrovietnam - Vinatex Đình Vũ	215.000.000.000	24.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	22.302.242.921	26.504.382.921
	<u>419.495.051.760</u>	<u>205.536.189.207</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và không có khoản đầu tư nào giảm giá do vậy Tổng Công ty không phải trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Trả trước tiền thuê đất	12.195.594.213	12.915.237.865
Lợi thế kinh doanh	265.850.397.235	354.467.196.316
Chi phí trả trước khác	25.929.516.097	19.824.571.012
	<u>303.975.507.545</u>	<u>387.207.005.193</u>

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất KCN Phú Mỹ 1 phản ánh số tiền thuê 634.595,35 m² đất được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 3 tháng 9 năm 2004.
- Tiền thuê đất cụm công nghiệp Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn phản ánh số tiền thuê 20.000 m² đất được trả trước cho Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển hạ tầng PBC với thời gian thuê là 45 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2007.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
MHB - Chi nhánh Sài Gòn (1)	18.357.670.000	-
Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu (2)	9.689.176.375	4.021.115.000
	<u>28.046.846.375</u>	<u>4.021.115.000</u>

(1) Khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số HM.1261.09/HĐTD ngày 01 tháng 6 năm 2009 với thời hạn 6 tháng kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2009, lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + 0,287%/tháng, nhưng tối thiểu là 9%/năm, trả lãi hàng tháng.

(2) Khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2009/DPM/HĐHM ký ngày 28 tháng 4 năm 2009 với thời hạn 4 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất xác định tại ngày rút vốn trừ 4%/năm hỗ trợ lãi suất cho khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo quy định hiện hành, trả lãi hàng tháng.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	437.612.132,00	6.014.050.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.495.931.749	5.747.020.822
Thuế thu nhập cá nhân	1.250.884.602	4.681.394.111
Thuế phí, lệ phí khác	22.998.495	-
	<u>119.207.426.978</u>	<u>16.442.465.388</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	64.864.112.407	73.626.023.370
Chi phí an sinh xã hội	10.886.575.000	-
Chi phí phải trả mua kho Nghi Sơn	5.909.090.909	-
Khác	20.460.353.380	12.704.998.675
	<u>102.120.131.696</u>	<u>86.331.022.045</u>

Trong năm, Tổng Công ty đã trích trước 59, 9 tỷ đồng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2010, phần còn lại (4,9 tỷ đồng) là khoản trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2009 chuyển sang.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Phải trả cổ tức	5.559.975.964	4.278.303.000
Phải trả phải nộp khác	9.656.620.469	24.202.480.547
	<u>15.216.596.433</u>	<u>28.480.783.547</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (1)	216.974.174.175	-
Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu	-	3.049.051.188
	<u>216.974.174.175</u>	<u>3.049.051.188</u>

- (1) Khoản vay của Tổng Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 60095579 ngày 29 tháng 5 năm 2009 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền vay là 23.905.925 USD, trong đó Ngân hàng TMCP Á Châu cho vay 7.200.000 USD, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí cho vay 16.705.925 USD. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn Urea /năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng, thời gian trả nợ gốc là 96 tháng kể từ khi kết thúc thời gian ân hạn.

Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp Hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất CO₂ hình thành qua đầu tư dự án theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay số SGD.TK.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009 và Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai số SGD.CCO.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009. Lãi suất vay phụ thuộc đồng tiền giải ngân và được xác định trên cơ sở không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí hoặc lãi suất cho vay ưu đãi bình quân của Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, số dư nợ vay của hợp đồng này là 12.093.761,45 USD tương đương 216.974.174.175 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu khác	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 1/1/2008	3.800.000.000.000	-	-	-	-	-	-	570.704.004.627	4.370.704.004.627
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.383.880.137.665	1.383.880.137.665
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(35.052.843.575)	-	-	-	-	-	(35.052.843.575)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	87.293.327.821	58.195.551.881	-	-	(228.636.874.570)	(83.147.994.868)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(948.605.000.000)	(948.605.000.000)
Số dư tại 31/12/2008	3.800.000.000.000	-	(35.052.843.575)	87.293.327.821	58.195.551.881	-	-	777.342.267.722	4.687.778.303.849
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	1.348.304.122.440	1.348.304.122.440
Mua cổ phiếu quỹ (1)	-	-	(8.243.245.724)	-	-	-	-	-	(8.243.245.724)
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	215.902.043.854	143.549.996.952	-	229.923.506	(442.672.906.186)	(82.990.941.874)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	-	(454.800.000.000)	(454.800.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	209.233.309	-	(209.233.309)	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	(229.093.872)	-	(1.915.614.125)	-	-	(2.144.707.997)
Số dư tại 31/12/2009	3.800.000.000.000	209.233.309	(43.296.089.299)	302.757.044.494	201.745.548.833	(1.915.614.125)	229.923.506	1.228.173.483.976	5.487.903.530.694

(1): Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện mua tổng số 278.180 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông lần 1 ngày 5 tháng 4 năm 2008.

(2): Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của Công ty mẹ với số tiền tương ứng 205.668.843.412 đồng, 137.187.712.312 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần 2 thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2009.

(3): Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông lần 2 ngày 24 tháng 3 năm 2009, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 760.000.000.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần). Vào ngày 12 tháng 9 năm 2008 và ngày 5 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty đã công bố và tạm chia cổ tức của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 379.320.000.000 (1.000 đồng/cổ phần) và 189.655.000.000 đồng (500 đồng/cổ phần), do đó Tổng Công ty trích thêm 189.500.000.000 đồng (500 đồng/cổ phần) trong năm 2009. Ngày 27 tháng 7 năm 2009, Tổng Công ty đã công bố về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 với mức 700 đồng/cổ phần (7% mệnh giá), theo đó Tổng Công ty đã tạm trích 265.300.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>(%)</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	100	3.800.000.000.000	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Tổng Công ty đang nắm giữ 1.000.000 cổ phiếu quỹ tương đương với 1.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

21. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN THEO BỘ PHẬN KINH DOANH

Công ty báo cáo hoạt động theo hai bộ phận kinh doanh: kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước và kinh doanh hàng hóa nhập khẩu. Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong kỳ như sau:

Năm 2009

	<u>Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	4.046.091.632.529	2.583.969.210.218	6.630.060.842.747
Giá vốn hàng bán	(2.110.890.104.263)	(2.533.926.267.225)	(4.644.816.371.488)
Trong đó: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	633.652.535.683	633.652.535.683
Lợi nhuận gộp	<u>1.935.201.528.266</u>	<u>50.042.942.993</u>	<u>1.985.244.471.259</u>

Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã ghi giảm giá vốn hàng bán bộ phận kinh doanh hàng hóa nhập khẩu trong kỳ là 633.652.535.683 đồng.

Năm 2008

	<u>Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước</u>	<u>Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	4.996.601.957.083	1.478.765.821.853	6.475.367.778.936
Giá vốn hàng bán	(2.136.473.851.625)	(2.487.650.496.250)	(4.624.124.347.875)
Trong đó: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(633.774.582.047)	(633.774.582.047)
Lợi nhuận gộp	<u>2.860.128.105.458</u>	<u>(1.008.884.674.397)</u>	<u>1.851.243.431.061</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu URE	3.860.461.442.480	4.804.480.889.454
Doanh thu Amoniac	135.391.219.794	181.747.777.527
Doanh thu điện	3.728.592.061	2.890.547.806
Doanh thu khác	54.960.813.865	25.599.582.819
	4.054.542.068.200	5.014.718.797.606
Chiết khấu thương mại	(8.117.630.908)	(18.116.840.523)
Giảm giá hàng bán	(152.914.286)	-
Hàng bán trả lại	(179.890.477)	-
	4.046.091.632.529	4.996.601.957.083

22. DOANH THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	168.125.540.244	135.775.188.874
Chênh lệch tỷ giá	10.676.287.799	3.068.900.000
Khác	2.395.878.699	4.282.553.021
	181.197.706.742	143.126.641.895
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	15.593.584.232	30.989.544.667
Chênh lệch tỷ giá	65.078.190.459	22.590.208.190
	80.671.774.691	53.579.752.857
Lãi hoạt động tài chính	100.525.932.051	89.546.889.038

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau :

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.348.304.122.440	1.383.880.137.665
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	379.055.636	379.551.586
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.557	3.646

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	300.492.320.552	607.033.326.633
Cổ tức trả Tập đoàn	279.845.103.600	583.010.632.500
Phí Quản lý nộp Tập đoàn	20.647.216.952	24.022.694.133
Bán đạm cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	272.129.064.887	435.434.879.520
Mua khí đầu vào từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	717.114.952.171	682.149.583.169
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	7.791.275.110	5.731.830.902
Số dư chủ yếu với các bên liên quan:		
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.842.233.321	7.482.863.850
Phải trả Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	32.967.493.323	-
Phải trả Tổng Công ty khí Việt Nam	87.518.892.820	144.433.524.088
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.111.413.273	28.564.128.583
Ứng trước Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.622.700.000	18.493.713.076
Phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	12.868.000.000	-
Ủy thác vốn tại Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí	790.000.000.000	22.003.111.111

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Từ ngày 3 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 1 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 3 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 343.993 USD/năm.

Ngày 2 tháng 6 năm 2008, Công ty đã ký Hợp đồng số 015 GT/2008-HDTC với Công ty Cổ phần Gemadept thuê văn phòng với thời hạn 3 năm và giá trị là 16,4 tỷ đồng/năm.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	25.659.719.029	25.228.749.620
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	31.446.418.044	43.807.660.901
Sau năm năm	35.377.686.768	23.039.586.373
	92.483.823.841	92.075.996.894

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Cam kết vốn**

Theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2008, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 700.000 tấn lên 800.000 tấn Urea/năm với tổng mức đầu tư là 368.757.439.000 VND và đã được điều chỉnh là 606.869.000.000 VND theo Quyết định số 164/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2008. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 342.298.964.247 đồng.

Theo Nghị quyết số 172/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Siêu thị cao ốc văn phòng thuộc Tổ hợp thương mại Cừ Long tại thành phố Cà Mau với tổng mức đầu tư là 322.104.296.152 đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 178.989.223.682 đồng. Ngày 9 tháng 1 năm 2010, Tổng Công ty đã tiến hành nghiệm thu bàn giao đối với hạng mục nhà triển lãm thuộc dự án.

Theo Quyết định số 751/QĐ-PBHC ngày 27 tháng 7 năm 2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư Kho cảng tổng hợp 20.000 DWT tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư là 347.112.911.828 đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 116.819.943.863 đồng.

Cam kết khác

Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị Tập đoàn tại Công văn số 9286/DKVN-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2009 gửi Thủ tướng Chính phủ về giá khí bán cho sản xuất phân đạm từ năm 2010: từ 01/01/2010 đến 31/03/2010 giá khí Cừ Long bán cho sản xuất phân đạm là 2,98 USD/MMBTU; từ 01/04/2010 đến 31/12/2010 giá khí Cừ Long bán cho sản xuất phân đạm là 3,55 USD/MMBTU. (Năm 2009: giá khí Cừ Long đã bao gồm VAT là 2,2 USD/MMBTU).

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.
